

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST

Ngày: 23-4-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Xuân;

Ông Lê Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở 02 Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 637/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bùi Ngọc T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bùi Thị B, sinh năm 1966.

Nơi thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Mai T1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt tại phiên tòa; bà T1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt; bà B vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Bùi Ngọc T:** Từ ngày 26 tháng 11 năm 2024 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025, bà Bùi Thị B có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu N nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 26/11/2024 vay số tiền là 100.000.000 đồng (có làm Biên nhận nợ ngày 26/11/2024), hẹn trong biên nhận đến ngày 05/6/2025 sẽ trả, không có thỏa thuận lãi suất vì nói mượn đỡ, mục đích vay là để mua vật tư làm nhà.

- Ngày 03/12/2024 vay số tiền là 100.000.000 đồng (có làm Biên nhận nợ ngày 03/12/2024, hẹn đến ngày 05/6/2025 sẽ trả, không có thỏa thuận lãi vì nói mượn đỡ, mục đích vay là để trả tiền thợ cất nhà.

- Ngày 29/5/2025 vay số tiền là 48.000.000 đồng (bà N có nhờ bà Nguyễn Thị Mai T1 chuyển khoản cho bà Bích G), hẹn ngày 05/6/2025 sẽ trả nên không có thỏa thuận lãi, mục đích vay là để mua vật tư cất nhà.

Qua nhiều lần bà N đòi nợ nhưng bà B không trả nên bà N khởi kiện yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay gốc là 248.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến 05/12/2025 với mức lãi suất là 1.66%/ tháng là 24.700.800 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử xong.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay gốc và lãi cụ thể như sau:

- Tiền vay gốc là 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 26/11/2024 và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026 là 10 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.300.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 03/12/2024 và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026 là 10 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.300.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 48.000.000 đồng theo giấy chuyển khoản của bà T1 cho bà B ngày 29/5/2025 và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026 là 10 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền là 3.984.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay còn thiếu gốc là 248.000.000 đồng và tiền lãi là 20.584.000 đồng.

*** Bị đơn Bùi Thị B:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt

không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

*** Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mai T1:** Bà T1 thừa nhận và đồng ý là số tiền 48.000.000 đồng mà bà T1 chuyển khoản vào số tài khoản của bà Bùi Thị B là tiền của bà Nguyễn Thị Thu N cho bà B mượn đỡ chứ không phải tiền của bà T1. Bà B không có thiếu tiền gì bà T1 và bà T1 không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 5, 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N. Bà Bùi Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền gốc là 248.000.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026.

Từ những phân tích trên đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Tiền vay gốc là 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 26/11/2024 và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026 là 10 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.300.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 03/12/2024

và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026 là 10 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.300.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

- Tiền vay gốc là 48.000.000 đồng theo giấy chuyển khoản của bà T1 cho bà B ngày 29/5/2025 và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2025 đến ngày 05/4/2026 là 10 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền là 3.984.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay còn thiếu gốc là 248.000.000 đồng và tiền lãi là 20.584.000 đồng.

Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án 02 biên nhận các ngày 26/11/2024, 03/12/2024 và giấy chuyển tiền ngày 29/5/2025 của bà T1 chuyển tiền cho bà B. Các biên nhận này đã ghi rõ số tiền nợ, thời gian trả nợ, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà B và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bà B không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cũng không có gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Bà B không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên bà B phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh sự phản đối yêu cầu của bà N. Từ đó chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà B trả số tiền nợ gốc như nêu trên là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối yêu cầu tính lãi của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời cũng có lợi cho bị đơn nên yêu cầu

của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi của số tiền gốc như nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay còn thiếu gốc 248.000.000 đồng và số tiền lãi là 20.584.000 đồng, tổng cộng là 268.584.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này bị đơn Bùi Thị B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N tổng số tiền là 268.584.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu $5\% \times 268.584.000$ đồng = 13.429.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí và được tiền tạm ứng án phí 6.303.000 đồng (Sáu triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên lai số 0000978 ngày 10/11/2025 của T2 hàng án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N.

Buộc Bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền vay còn thiếu gốc là 248.000.000 đồng và tiền lãi là 20.584.000 đồng, tổng cộng là 268.584.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị B phải có nghĩa vụ chịu 13.429.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí.

Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí và được tiền tạm ứng án phí 6.303.000 đồng (Sáu triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên lai số 0000978 ngày 10/11/2025 của T2 hàng án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2026). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dương